TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2024/DS-ST
Ngày: 22-4-2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng
Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 390/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2024/QĐST-DS ngày 08/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E)

Trụ sở tại: Tầng H, văn phòng số L+16 tòa nhà V, G L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc C – Phó Giám đốc phụ trách Chi Nhánh E (theo Giấy ủy quyền số 315/2023/EIB/UQ-CTHĐQT ngày 03/10/2023).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 2000 – Chức vụ: Cán bộ RBO – Eximbank Phòng Giao dịch E; địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Tuấn V1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978

Cùng trú tại: ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Quang V, trình bày:***

Ngày 21/9/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần X – chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phan Tuấn V1, bà Nguyễn Thị Ngọc H ký hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220082672/1811. Theo đó, ngân hàng cho ông V1, bà H vay số tiền 600.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay của từng lần nhận nợ được quy định tại khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay được áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay là tiêu dùng mua sắm vật dụng trong gia đình. Kỳ hạn trả nợ trả gốc và lãi của từng lần nhận nợ được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ.

Theo khế ước nhận nợ số 1811-LDS220001203 ngày 21/9/2022 thể hiện: Số tiền vay là 600.000.000đ, được giải ngân bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản sau đó rút tiền mặt. Thời hạn vay là 108 tháng, kỳ trả nợ gốc và lãi là vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất cho vay là 13%/năm (cố định 12 tháng đầu), chu kỳ thay đổi lãi suất 03 tháng/lần kể từ năm thứ hai trở đi (lãi suất = lãi suất cơ sở do E công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 3,9%/năm; lãi suất thay đổi theo biểu E công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Vào ngày 29/02/2020, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Áp dụng trong trường hợp thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác) số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL, theo đó: tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng thửa đất và tài sản hình thành trong tương lai trên thửa đất số 566, tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, có diện tích là 400m^2, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/9/2017 cho bà Võ Thị Đ. Hợp đồng thế chấp này dã được công chứng tại Văn phòng C1 (nay là VPCC T), tỉnh Đồng Nai có số công chứng 3321, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V1 và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, số tiền lãi đầy đủ trong thời gian 3 kỳ (tháng 11, 12/2022; tháng 01/2023). Từ ngày 15/02//2023 cho đến nay, ông V1 và bà H không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phan Tuấn V1, bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 690.238.050đ, trong đó: nợ gốc còn lại là 583.319.978đ; lãi trong hạn là 91.952.444đ; lãi quá hạn là 9.623.224đ; lãi phạt chậm trả là 5.342.404đ (tạm tính đến ngày 22/4/2024). Và tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng cho vay đã ký, kể từ ngày 23/4/2024 đến ngày thanh toán xong. Đồng thời, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 566, tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL ngày 29/2/2020 được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

**** Bị đơn - ông Phan Tuấn V1, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Đ trình bày:*** Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông V1 bà H và bà Đ về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, triệu tập đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ bảo vệ quyền lợi tuy nhiên ông V1 bà H và bà Đ đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Trong khi Ngân hàng cung cấp được hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp QSDĐ được ký kết giữa Ngân hàng và ông V1 bà H, bà Đ có chữ ký xác nhận của ông V1 bà H, bà Đ và được VPCC Hố Nai chứng thực. Như vậy chứng tỏ việc vay mượn tiền giữa ngân hàng TMCP X1 với ông V1 bà H như đã nêu trên là tự nguyện và có thật; ông V1 bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Buộc ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 583.319.978 đồng, nợ lãi trong hạn là 91.952.444 đồng, nợ lãi quá hạn 9.623.224 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông V1 bà H phải trả tiền phạt 5.342.404 đồng thì thấy không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp QSDĐ số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL ngày 29/02/2020 được VPCC Hố Nai chứng thực đối với thửa đất số 566 tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ2 chi nhánh T nên có giá trị pháp lý, được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông V1, bà H.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Tại Điều 16 của Hợp đồng tín dụng từng lần và mục 12 Phụ lục kèm theo, thể hiện: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X – chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phan Tuấn V1, bà Nguyễn Thị Ngọc H có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền do Ngân hàng L. Trong khi đó, Ngân hàng lựa chọn nơi bị đơn cư trú và nơi có trụ sở Chi nhánh tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay vốn, gồm: Hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220082672/1811 ngày 21/9/2022, khế ước nhận nợ ngày 21/9/2022, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL ngày 29/02/2020 và biên bản xác định trị giá quyền sử dụng đất ngày 29/02/2020, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 566, tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T, 03 CMND (V1, H, Đ), 02 sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh, giấy đề nghị vay vốn kiêm

phương án trả nợ vay ngày 16/8/2022. Ngày 15/02/2023, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/10/2023, Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện là đảm bảo về quyền khởi kiện theo quy định khoản 2 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tuấn V1, bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Võ Thị Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không lên Toà án làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ do Toà án yêu cầu mà không có lý do là từ chối nghĩa vụ chứng minh của mình. Nên Hội đồng xét xử, căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và Toà án thu thập để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220082672/1811 ngày 21/9/2022 được giao kết giữa Ngân hàng và ông V1, bà H, tại Điều 8 quy định về tài sản bảo đảm như sau: "*Quyền sử dụng 400m^2 đất (thửa: 566, TBĐ: 9) toạ lạc tại* xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai*; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 652315, số vào sổ cấp GCN: CS 01904 do* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ *cấp ngày 12/9/2017. CSH: Bà* Võ Thị Đ". Và tài sản bảo đảm này đã được giao kết theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Áp dụng trong trường hợp thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác) số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL ngày 29/02/2020, được công chứng tại Văn phòng C1 (nay là VPCC T), tỉnh Đồng Nai có số công chứng 3321, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD giữa 3 bên (bên nhận thế chấp, bên thế chấp và bên được cấp tín dụng). Việc thế chấp này được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 – chi nhánh T ghi chú ngày 02/3/2020. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Giữa Ngân hàng và ông V1, bà H có giao kết hợp đồng tín dụng từng lần ngày 21/9/2022 để vay số tiền 600.000.000đ và thực tế ông V1, bà H đã nhận đủ số tiền này theo khế ước nhận nợ ngày 21/9/2022. Vì vậy, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: ông V1, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 690.238.050đ, trong đó: nợ gốc còn lại là 583.319.978đ; lãi trong hạn là 91.952.444đ; lãi quá hạn là 9.623.224đ; lãi phạt chậm trả là 5.342.404đ (tạm tính đến ngày 22/4/2024). Theo yêu cầu của Ngân hàng, căn cứ các hợp đồng tín dụng từng lần ngày 21/9/2022, kể từ ngày 23/4/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thì ông V1, bà H còn phải trả các khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tương ứng với số tiền và thời gian chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Ngoài ra, để bảo đảm cho khoản vay, bên thế chấp là bà Võ Thị Đ đã đồng ý thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 566, tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để bảo đảm cho bên được cấp tín dụng là ông V1, bà H vay số tiền 600.000.000đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa 3 bên được giao kết ngày 29/02/2020 đã được công chứng tại Văn phòng C1 (nay là VPCC T), tỉnh Đồng Nai và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 – chi nhánh T ghi chú thế

chấp ngày 02/3/2020 phù hợp với quy định tại Điều 293, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực, đủ điều kiện để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[3] *Về án phí và chi phí tố tụng*: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đã nộp. Ông V1, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ là số tiền 1.000.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tố tụng, đường lối giải quyết và án phí của vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị không chấp nhận yêu cầu về số tiền lãi phạt chậm trả 5.342.404đ không phù hợp với thỏa thuận tại mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220082672/1811 ngày 21/9/2022, mục 2 Phụ lục kèm theo; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 40; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 293, Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) đối với ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

- Buộc ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) số tiền **690.238.050đ** (sáu trăm chín mươi triệu hai trăm ba mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng) (tính đến ngày 22/4/2024), trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 583.319.978đ (Năm trăm tám mươi ba triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

+ Số tiền lãi trong hạn là 91.952.444đ (Chín mươi mốt triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn là 9.623.224đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

+ Số tiền lãi phạt là 5.342.404đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm linh bốn đồng).

Kể từ ngày 23/4/2024, ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số LAV-220082672/1811 ngày 21/9/2022 cho đến khi thanh toán xong.

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 566, tờ bản đồ số 9, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Áp dụng trong trường hợp thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác) số 45/2020/EIBĐN/PGDTB/TSBL ngày 29/02/2020 được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) số tiền chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

3. Về án phí:

- Ông Phan Tuấn V1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền 31.609.522đ (Ba mươi mốt triệu sáu trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (E) số tiền 14.745.000đ (mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007740 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Các đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung